



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01181

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

Tên sản phẩm : Nutrafito Plus
Số lượng/ khối lượng : 950 bao/ 19.000 kg
Hãng, nước sản xuất : Desert King Internatioal LLC, USA
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : 20241112/VS-DK ngày 12/11/2024
Hóa đơn số : 30298 ngày 23/01/2025
Vận đơn số : 10-25-00065-01
Ngày sản xuất : 12/12/2024; 13/12/2024; 14/12/2024; 16/12/2024;
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH VƯƠNG SƠN**
Địa chỉ: 50/18 Lò Lu, ấp Phước Hiệp, phường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Quyết định đính chính chứng nhận

Số: 837 /QĐ-TTKN
Ngày 31 tháng 5 năm 2025



Hà Thanh Tùng



BẢNG MÃ HOÁ MẪU PHÂN TÍCH

1. Mã hoá mẫu (trước khi gửi đi phân tích)

Doanh nghiệp/ ngày mã hoá	Mã mẫu	Quy chuẩn áp dụng	Tên sản phẩm/ chỉ tiêu phân tích	Ghi chú
Công Ty TNHH Vương Sơn 05/3/2025	0325044/ HQP2	Mục 2.3 bảng 3 QCVN 02 - 31 - 2:2019/BNNPTNT	Nutrafito Plus As vô cơ (mg/kg) Hg (mg/kg) Pb (mg/kg) E. coli (CFU/g) Salmonella (CFU/25g)	BNNPTNT2925 0032665

**Bảng mã hoá này được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hoá mẫu,
01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm**

NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ



Nguyễn Thế Linh

2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm

Người thực hiện	Đơn vị	Thời gian (ghi rõ.... giờ, ngày.../.../...	Phòng thí nghiệm được lựa chọn	Ghi chú
Nguyễn Thế Linh	Trung tâm Vùng II	17h30 ngày 05/3/2025	ASTAC	



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số báo cáo: BNNPTNT29250032665

1. Tên cơ sở sản xuất: Desert King International, LLC, USA
2. Tên cơ sở nhập khẩu (nếu có): Công Ty TNHH Vương Sơn
3. Sản phẩm thử nghiệm: **Nutrafito Plus**
4. Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn chứng nhận: QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
5. Đánh giá chi tiết chỉ tiêu thử nghiệm:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu			Mức yêu cầu	Đánh giá
		Số	Tên phòng thử nghiệm	Kết quả thử		
Tên mẫu (Tên, mã số mẫu): Nutrafito Plus (mã mẫu: 0325045/HQV2)						
1	As vô cơ(mg/kg)	1940/2025/TT V1-KN	ASTAC	KPH	≤ 3	Phù hợp
2	Chì (Pb) (mg/ kg)			< 0,6	≤ 2	Phù hợp
3	Thủy ngân (Hg) (mg/ kg)			KPH	≤ 1	Phù hợp
4	<i>E. coli</i> (CFU/g)			< 10	≤ 10	Phù hợp
5	<i>Salmonella spp</i> (CFU/25 g)			KPH	KPH	Phù hợp

6. KẾT LUẬN/ KIẾN NGHỊ (Nếu có):

- ☒ Kết quả thử nghiệm phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn/ quy chuẩn áp dụng.
- ☐ Chỉ tiêu thử nghiệm không đạt/còn thiếu so với yêu cầu của tiêu chuẩn..... Đề nghị ASTAC thông báo cho khách hàng.
- ☐ Mẫu thử nghiệm không đạt yêu cầu tiêu chuẩn kiến nghị không chứng nhận.
- ☒ Kiến nghị: ASTAC cấp giấy chứng nhận nếu Tổ chức được đánh giá khắc phục các điểm không phù hợp và thông báo bằng văn bản cho ASTAC.

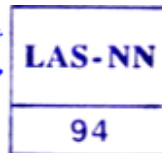
Ngày: 11/3/2025 Chuyên gia đánh giá:

Nguyễn Thế Linh



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 1940/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Nguyễn Thế Linh

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 5752503171

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 06/03/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 06/03/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0325045/HQV2	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 10/03/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: astac.mk@gmail.com



PHIẾU YÊU CẦU/ REQUISITION FORM

Số/No.: /

1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG YÊU CẦU/ CUSTOMER INFORMATION REQUESTED

a. Đơn vị/ người gửi mẫu/ Sample sender:

Tên / Name: Trung tâm KN, KN, KĐ nuôi trồng thủy sản vùng 2
Địa chỉ/ Address: 135A, Pasteur, P. Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Số điện thoại/Tel: Email: ttnknphianam@gmail.com
Người liên hệ/ Contact Person: Nguyễn Thế Linh . Điện thoại/Tel: 0907605635

b. Thông tin xuất hóa đơn/ Billing information (☐ Có/Yes; ☐ Không/No):

Tên / Name:
Địa chỉ/ Address:
Mã số thuế/ Tax code:
E-mail gửi hoá đơn:

c. Thông tin mẫu / Sample information

TT	Tên mẫu/ Sample name	Mô tả mẫu/ Sample description	Khối lượng/ Weight hoặc/or Thể tích/ Volume	Chỉ tiêu yêu cầu/ Required parameter	Phương pháp thử/ Test method (nếu có/ if any)	Mã số mẫu/ Sample code (TTVI ghi cột này/TTVI writes this column)
1.	0325050/HQV2	Số thứ tự 3, Mục I phụ lục I QCVN 01- 190:2019/BNNP TNT	02 mẫu 500 g/ mẫu	As tổng số (mg/kg) Pb (mg/kg) Cd (mg/kg) Hg (mg/kg) Ethoxyquin (mg/kg) E. coli (CFU/g) Salmonella (CFU/ 25 g)	Hàng Hải BN32843	
2.	0325044/HQV2	Mục 2.3 bảng 3 QCVN 03-31- 2:2019/BNNPT NT	02 mẫu 500 g/ mẫu	As vô cơ (mg/kg) Pb (mg/kg) Hg (mg/kg) E. coli (CFU/g) Salmonella (CFU/ 25 g)	Pathway	
3.	0325045/HQV2		02 mẫu 500 g/ mẫu		Vương Sơn	

c. Yêu cầu khác/ Other requirements

Mục đích / Purpose: ☐ Thử nghiệm/ Analysis; ☐ Giám định/ Assess; ☐ Khác/ other: Trả kết quả/ Result format: ☐ Trực tiếp/Directly; ☐ Thư/Letter; ☐ Email (bản ký số/digital signature) Nhà thầu phụ/Subcontractor (If any): ☐ Nhận lại mẫu sau thử nghiệm/ Returning sample request : ☐ Có/Yes ☐ Không/No Yêu cầu khác/ Other requirements (nếu có/if any):	Người gửi mẫu/ Customer
---	------------------------------------

2. XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM/ ASTAC VERIFICATION

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving:..... Ngày dự kiến trả kết quả / Expected date of issue: Tình trạng bao gói mẫu/ Sample packaging condition: ☐ Nguyên vẹn/ Intact; ☐ Không nguyên vẹn/ Not Intact Nhiệt độ bảo quản mẫu/ Sample storage temperature: ☐ Môi trường/ Environmental; ☐ Lạnh/ cold; ☐ Đông lạnh/ Frozen Ghi chú/note:	Người nhận mẫu/ Recipient
--	------------------------------



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: astac.mk@gmail.com



Ghi chú:

- Quý khách hàng ghi đúng, đầy đủ thông tin theo nhu cầu vào mục 1 ngoại trừ cột “Mã số mẫu/ Sample code”, Trung tâm không chịu trách nhiệm về các thông tin do khách hàng cung cấp/ *Customers must fill in correct and complete information according to their needs in section 1 except for the "Sample code" column. ASTAC is not responsible for the information provided by customers.*
- Quý khách hàng yêu cầu phương pháp cụ thể thì ghi ký hiệu phương pháp vào cột “Phương pháp thử”, trong trường hợp khách hàng không yêu cầu Trung tâm sẽ sử dụng phương pháp phù hợp để phân tích/ *If the customer requires a specific method, please write the method symbol in the "Test method" column. If the customer does not request, ASTAC will use the appropriate method for analysis.*
- Trung tâm cam kết bảo mật thông tin của khách hàng, ngoại trừ việc tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam/ *ASTAC is committed to keeping customer information confidential, except in compliance with the provisions of Vietnamese law.*